

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ HÀ ANH ĐỨC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ HÀ ANH ĐỨC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA ANH DUC INVESTMENT AND TRADING BUSINESS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HA ANH DUC ITB., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108234557

3. Ngày thành lập: 13/04/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 43 Hàng Cót, Phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 094 6324766

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp - Xây dựng công trình cửa - Xây dựng đường hầm; - Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.	4290
2.	Phá dỡ	4311
3.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
4.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
5.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
6.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng	4329
7.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

8.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, véc ni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim	4663
10.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
11.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;	4649
13.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác; - Hoạt động của cáp treo, đường sắt leo núi.	4932
14.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
15.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931

16.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; - Thiết kế kết cấu công trình; - Thiết kế điện - cơ điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước; - Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; - Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; - Thiết kế phòng cháy - chữa cháy. - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ. - Khảo sát địa hình; - Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình. - Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình; - Tư vấn quản lý dự án	7110
17.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730
18.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
19.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
20.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
21.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đầu giá)	4512
22.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
24.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
25.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

26.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5221
27.	Bốc xếp hàng hóa	5224
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229
29.	In ấn	1811
30.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
31.	Quảng cáo	7310
32.	Đại lý du lịch	7911
33.	Điều hành tua du lịch	7912
34.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
35.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
36.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
37.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
38.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
39.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
40.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
41.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
42.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
43.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
44.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
45.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
46.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
47.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
48.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
49.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
50.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
51.	Đúc sắt, thép	2431
52.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
53.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
54.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
55.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
56.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
57.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630

58.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
59.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
60.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
61.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
62.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
63.	Sản xuất xe có động cơ	2910
64.	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
65.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
66.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
67.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
68.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
69.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
70.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
71.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
72.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
73.	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	3092
74.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
75.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
76.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
77.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
78.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
79.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
80.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
81.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
82.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
83.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
84.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)

85.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Quản lý bất động sản; - Tư vấn bất động sản; - Môi giới bất động sản;	6820
86.	Bán buôn thực phẩm	4632
87.	Bán buôn đồ uống	4633
88.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
89.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
90.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
91.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
92.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
93.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
94.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
95.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
96.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
97.	Xây dựng nhà các loại	4100
98.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ	4210
99.	Xây dựng công trình công ích	4220

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CHU NGOC ANH	Số 932 Đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	012952079	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		
2	NGUYỄN CÔNG NAM	Số 12, ngõ 36 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	5,000	001074004119	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	5,000		
3	ĐÀO THỊ HÀ	Số 932 Đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.700.000	17.000.000.000	85,000	012905348	
			Tổng số	1.700.000	17.000.000.000	85,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐÀO THỊ HÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/09/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012905348

Ngày cấp: 14/07/2006

Nơi cấp: Công an TP. Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 932 Đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 43 Hàng Cót, Phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội